

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2020/HS-PT

Ngày: 30 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình;

Các Thẩm phán:

1. Ông Trịnh Văn Toàn;

2. Bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cầu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 336/2020/TLPT-HS ngày 03/11/2020, đối với bị cáo Cù Văn M và các bị cáo khác, về tội “Cố ý gây thương tích”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 271/2020/HS-ST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Cù Văn M (tên gọi khác: C) - Sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Định;

Nơi cư trú: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cù Minh Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ là Võ Thị Thùy L và có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2020; tiền sự: Không; tiền án: có 02 tiền án, cụ thể: Tại Bản án số: 77/2013/HSST ngày 26/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt Cù Văn M 02 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 17/11/2014; tại Bản án số 267/2016/HSST ngày 24/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt Cù Văn M 03 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 09/02/2019; về nhân thân: Tại bản án số 205/2005/HSST ngày 12/9/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/12/2019, đến ngày 02/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Công L - Sinh năm 1994 tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lái xe; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Kim L và bà Lê Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2019, đến ngày 02/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Ngọc Đ (tên gọi khác: B) - Sinh năm 1995 tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T và bà Dương Thị Hồng B; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2019, đến ngày 02/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Ngô Anh K (tên gọi khác: T), sinh năm: 1986; địa chỉ: Đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hữu T, nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 23/12/2019, Trần Công L, Nguyễn Hữu T, Cù Văn M và Phạm Ngọc Đ cùng nhau nhậu tại quán B ở Đường Đ, thành phố B. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, thì chị Nguyễn Thị N (là bạn gái của L) nhắn tin cho L với nội dung chị N đang ngồi nhậu với bạn ở quán nhậu vỉa hè trước Sở T tỉnh Đắk Lắk trên đường P, thuộc phường H, thành phố B, nên L đi qua chỗ của chị N, còn T, M và Đ đi về. L chạy xe đến chỗ của N thì thấy N đang ngồi nhậu với anh Quách Minh G, nên L nảy sinh ghen tuông. Khi L vào quán thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau với N, thì anh T và 01 nam nhân viên trong quán can ngăn. Lúc này, anh Ngô Anh K là em trai của anh Ngô Anh T1 (là chủ quán nhậu) nói với L: “Đến quán quậy hả”, rồi anh K cầm ly bia bằng nhựa đánh vào đầu của L, nhưng không gây thương tích gì. Do vậy, giữa L và anh K nảy sinh mâu thuẫn, xô xát nhau, thì anh Nguyễn Hồng H (là bạn của anh K) cũng vừa đến. L hỏi anh K tại sao đánh L, thì anh K nói: “Mày muốn gì, mày đợi đấy” và đi ra khỏi quán, vừa đi anh K vừa gọi điện thoại, L nghĩ là anh K gọi người đến để đánh L, nên ra chặn đầu xe của anh K lại, đồng thời L gọi điện cho T nói: “Anh em quay lại quán trên đường P, em bị đánh”. Lúc này, T, M và Đ đang về đến đường I, thành phố B. Khi nghe L gọi điện như thế, thì T nói với M và Đ là: “L bị đánh trên đường P với C, quay lại xem sao”. Khi đi đến quán nhậu, thấy L đang cãi nhau với anh

K, thì cả ba người xuống xe, T đi đến chỗ L hỏi: “Sao, chuyện gì, ai đánh?” thì L chỉ về phía anh K nói “Thằng này nãy đập vào đầu em”. Lúc này, L, T, M và Đ cùng cãi nhau và xô xát với anh K, L dùng tay kẹp cổ và đánh K, còn T, M và Đ xông vào dùng tay chân, mũ bảo hiểm đánh anh K. Thấy anh K bị đánh, thì anh T1 lấy cây tre dài khoảng 02m xông vào giơ lên đánh trúng đầu của T, gây thương tích ở vùng đầu và làm cây tre bị gãy. Tức giận vì bị đánh, nên T nhặt đoạn tre bị gãy đánh anh K, anh H vào can ngăn, thì M và Đ cũng xông vào dùng mũ bảo hiểm và gậy tre đánh anh K, anh H.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 04 đoạn gậy tre bị gãy, 03 chiếc ghế nhựa màu đỏ bị bể, 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đỏ bị bể, 01 chiếc mũ bảo hiểm màu trắng bị bể và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, số Imei 356333/05/988052/1 của Trần Công L, là công cụ, hung khí và phương tiện các bị cáo Trần Công L, Nguyễn Hữu T, Cù Văn M và Phạm Ngọc Đ sử dụng vào việc thực hiện hành vi gây thương tích.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 67/TgT-TTPY, ngày 24/12/2019 và Kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 369/TgT-TTPY, ngày 28/3/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Anh Ngô Anh K bị:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo dọc vùng trán trái, kích thước 3,5cm x 0,2cm; vết thương làm biến đổi sắc tố da 1/3 giữa mặt sau trong cẳng tay phải, kích thước 0,5cm x 0,5cm; sẹo mổ mặt sau vùng khuỷu - cẳng tay trái, kích thước 13cm x 0,2cm; gãy mỏm khuỷu tay trái.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 14%.

3. Tách tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng vết thương: Sẹo dọc vùng trán trái: 03%; vết thương làm biến đổi sắc tố da 1/3 giữa mặt sau trong cẳng tay phải: 01%; sẹo mổ mặt sau vùng khuỷu - cẳng tay trái: 02%; gãy mỏm khuỷu tay trái: 09%.

4. Vật tác động: Vật tày.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 62A/TgT-TTPY, ngày 24/12/2019 và Kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 368/TgT-TTPY, ngày 31/3/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Nguyễn Hữu T bị: Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo nham nhở, chéo vùng đỉnh đầu, kích thước 02cm x 0,2cm. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01%. Vật tác động: Vật tày.

Về bồi thường thiệt hại: Các bị cáo Cù Văn M, Nguyễn Hữu T, Trần Công L và Phạm Ngọc Đ đã thỏa thuận và bồi thường chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí khác cho người bị hại anh Ngô Anh K số tiền là 90.000.000 đồng, người bị hại đã bãi nại và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 271/2020/HS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Cù Văn M, Nguyễn Hữu T, Trần Công L và Phạm Ngọc Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm a, i khoản 1, điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Cù Văn M 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 02/01/2020.

Căn cứ vào điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Công L 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 02/01/2020.

Căn cứ vào điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 02/01/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 năm 03 tháng tù; quyết định về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/9/2020 bị cáo Phạm Ngọc Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; cùng ngày 24/9/2020, bị cáo Cù Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Trần Công L kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Cù Văn M, Trần Công L và Phạm Ngọc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đều đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Cù Văn M, Phạm Ngọc Đ và Trần Công L về tội “Cố ý gây thương tích”, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Đối với bị cáo Cù Văn M, tham gia thực hiện tội phạm với vai trò tích cực, bản thân bị cáo có 02 tiền án, có nhân thân xấu, nên mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận. Về mức hình phạt 02 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Trần Công L và bị cáo Phạm Ngọc Đ, là thỏa đáng và phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Ngọc Đ là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, bị cáo Trần Công L phạm tội do bức tức vì bị người bị hại đánh trước, bị cáo Đ tham gia với vai trò hạn chế; bị cáo L và bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng

án treo cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cù Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng: Điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Cù Văn M 02 năm 03 tháng tù.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Công L và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc Đ, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Công L 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Cù Văn M, Trần Công L và Phạm Ngọc Đ tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 23/12/2019, tại quán nhậu vỉa hè trên đường P, khu vực trước Sở T tỉnh Đắk Lắk, giữa bị cáo Trần Công L và anh Ngô Anh K có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô xát nhau nhau, thì anh Ngô Anh K đã cầm ly bia đánh vào đầu của bị cáo L. Sau đó, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Cù Văn M, Trần Công L và Phạm Ngọc Đ dùng tay, chân, ghế nhựa, mũ bảo hiểm và gậy tre đánh anh Ngô Anh K, hậu quả làm cho anh K bị thương tích với tỷ lệ là 14%. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Công L, Cù Văn M và Phạm Ngọc Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Cù Văn M, Trần Công L và Phạm Ngọc Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với bị cáo Cù Văn M, là người tham gia thực hiện tội phạm với vai trò tích cực, bản thân bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích và có nhân thân xấu, bị cáo phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do đó cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt. Về mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo, là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; bản án sơ thẩm cũng đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ khi lượng hình đối với bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận và cần giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Cù Văn M là phù hợp.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Công L và bị cáo Phạm Ngọc Đ, xét thấy: Về mức hình phạt 02 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo Trần Công L và Phạm Ngọc Đ, là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò tham gia của các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo Trần Công L phạm tội cũng có một phần lỗi của người bị hại, do bị người bị hại Ngô Anh K dùng ly bia đánh bị cáo trước, nên bị cáo bức tức, bức xúc và đã có hành vi phạm tội; còn đối với bị cáo Phạm Ngọc Đ, khi thấy các bị cáo khác đánh anh K thì bị cáo cũng xông vào, dùng tay chân, mũ bảo hiểm đánh anh K, bị cáo tham gia phạm tội với vai trò thứ yếu. Đồng thời, các bị cáo L và Đ phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ là: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và được bị hại bãi nại đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Phạm Ngọc Đ cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo Đ đã có thời gian phục vụ trong quân ngũ, là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy: Bị cáo Trần Công L và bị cáo Phạm Ngọc Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo tự cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, như vậy cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Công L và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc Đ, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Cù Văn M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Trần Công L và bị cáo Phạm Ngọc Đ được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cù Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 271/2020/HS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Cù Văn M.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Công L và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc Đ, sửa Bản án sơ thẩm số: 271/2020/HS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Trần Công L và Phạm Ngọc Đ.

Tuyên bố: Các bị cáo Cù Văn M, Trần Công L và Phạm Ngọc Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: Điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cù Văn M 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 02/01/2020.

- Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Công L 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Công L cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc Đ 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc Đ cho Ủy ban nhân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong

thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Cù Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trần Công L và bị cáo Phạm Ngọc Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ I);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- T.H.A hình sự TP. B;
- Bị cáo;
- UBND xã E, huyện C;
- UBND phường T, Tp.B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình